

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2019/HS-ST

Ngày: 18/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Liêm

Các hội thẩm nhân dân

1. Ông Hoàng Văn Tân

2. Ông Điều Mẫn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên .

Ngày 18/9/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2019/TLST-HS ngày 27/8/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 64/2019/QĐXXST-HS ngày 04/9/2019 đối với bị cáo:

Phạm Văn L, sinh năm 1981 tại Vĩnh Long; Tên gọi khác: T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp K, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở: tổ 1, ấp 12, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 2/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn P (P) (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không có;

Tiền án: Ngày 24/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù về tội dâm ô đối với trẻ em;

Ngày 25/5/2016 TAND huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản;

Về nhân thân: Ngày 14/8/2000 bị TAND huyện T, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 04 tháng 29 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản;

Ngày 03/11/2008 TAND huyện B, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/6/2019 cho đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Nguyễn Đình S, sinh năm 1975 (vắng mặt) .

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 11/6/2019 Phạm Văn L điều khiển xe mô tô biển số 81H2-5344 đi từ nhà trọ thuộc xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước về hướng xã Đ và T, huyện H. Trên đường đi, L nhìn thấy có đường dây điện của nhà anh S được kéo dọc theo đường tại vị trí có ít nhà dân sinh sống. Bị cáo nảy sinh ý định cắt trộm dây điện đem bán lấy tiền tiêu xài. Sau khi cắt xe vào trong vườn tràm, L dùng kìm cắt 2 dây điện thấp hiệu CaDiVi, sau khi cắt xong dây điện trong lúc đang quán thì có người đi đường phát hiện đã thông báo cho anh S biết nên anh S cùng với anh Trần Đình O đã đến hiện trường bắt quả tang L đang lấy trộm dây điện nhà của anh S và giao cho Công an xử lý.

Tại cơ quan điều tra bị cáo Phạm Văn L thừa nhận đã cắt trộm và đang quán 72 mét dây điện loại CaDiVi- CV3.5 (7/0.80)

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 53/KLĐGTSTTHS ngày 11/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H, kết luận: 01m (mét) dây điện hiệu CADIVI vỏ bọc nhựa, lõi kim loại, có thông số CV3.5 (7/0.80)-600V-JIS C3307-S tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá là 10.500đ (mười ngàn năm trăm đồng).

Tổng giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt bị Phạm Văn L chiếm đoạt là: 72m x 10.500đ= 756.000đ (bảy trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 26 tháng 8 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L mức án từ 16 đến 18 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận, không kêu oan.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: không

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H và Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 06 giờ ngày 11/6/2019 khi điều khiển xe đến đoạn đường liên xã thuộc khu vực ấp 5, xã Đ, huyện H, L nhìn thấy đường dây điện của gia đình anh Nguyễn Đình S được mắc dọc theo tuyến đường L đi, đồng thời thấy ít nhà dân và người qua lại nên L nảy sinh ý định cắt trộm dây điện để lấy tiền tiêu xài. L mang xe vào rừng tràm cắt rồi cầm kìm cắt kim loại mang theo sẵn đi ra hàng dây điện để cắt. Khi đang cuộn dây điện thì bị phát hiện và bắt giữ.

Tổng giá trị tài sản tại thời điểm chiếm đoạt bị Phạm Văn L chiếm đoạt là: 72m x 10.500đ= 756.000đ (bảy trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Tại Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“ : Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;.....”.

Bị cáo L chiếm đoạt tài sản có giá trị dưới 2.000.000đ (hai triệu đồng), tuy nhiên trước đó bị cáo Lập bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bình Phước xử phạt 01 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, tính đến ngày thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh S thì L chưa được xóa án tích. Đối chiếu với quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự thì hành vi của bị cáo Phạm Văn L đã cấu thành tội Trộm cắp tài

sản. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo tội trộm cắp tài sản theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự ra trước phiên tòa hôm nay là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội cũng như tại phiên tòa công khai, bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo chịu trách nhiệm bởi hành vi của mình.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội của mình với lỗi cố ý. Do đó, cần có một hình phạt nghiêm đó là tù có thời hạn một thời gian nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân: Bị cáo có 02 tiền án và trước đó năm 2000 và 2008 cũng đã bị TAND huyện T và TAND huyện B xử phạt về tội Trộm cắp tài sản. Như vậy, quá trình hoạt động bản thân bị cáo đã vi phạm pháp luật và bị xét xử 4 lần trong đó có 3 lần về tội Trộm cắp tài sản. Lẽ ra sau khi phạm tội và được học tập trong trại giam, bị cáo phải có ý chí phấn đấu vươn lên, thay đổi bản thân và tìm công việc phù hợp với khả năng tạo ra thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân, làm người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng ngược lại bị cáo không biết sửa đổi bản thân, khi thấy tài sản không có người trông coi bị cáo nghĩ ngay đến việc trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài do đó, cần thiết tiếp tục áp dụng hình phạt nghiêm là cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và mục đích phòng ngừa chung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 xe mô tô biển số 81H2-5344 là phương tiện bị cáo L sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, xe không rõ nhãn hiệu, không rõ số khung, số máy, Cơ quan công an đang xác minh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 kim kim loại, cán bọc nhựa màu đỏ là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy;

Đối với 01 búa bằng kim loại dài 50cm, đầu búa hình trụ tròn dài 16cm; 01 túi vải có quai đeo màu nâu xám, nhãn hiệu BZ KAUKKO; 01 ống nhựa màu vàng; 01 cây kim loại hình trụ tròn dài 50cm; 01 kìm bằng kim loại dùng cắt móng tay đã rỉ sét dài 10cm. Đây là những tài sản của Phạm Văn L không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Nguyễn Đình S đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo L bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tính tù từ ngày 11/6/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu, tiêu hủy 01 kìm kim loại, cán bọc nhựa màu đỏ đã qua sử dụng; 01 búa bằng kim loại dài 50cm, đầu búa hình trụ tròn dài 16cm, đường kính 10cm; 01 túi vải có quai đeo màu nâu xám, nhãn hiệu BZ KAUKKO; 01 ống nhựa màu vàng; 01 cây kim loại hình trụ tròn dài 50cm; 01 kìm bằng kim loại dùng cắt móng tay đã rỉ sét dài 10cm.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0005644 ngày 11/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước).

[4] Về án phí:

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo Phạm Văn L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Đối với bị hại, do vắng mặt tại phiên tòa nên thời gian kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNV CA H;
- Phòng HSNC CA tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Liêm